

## BÁO CÁO CÔNG KHAI THƯỜNG NIÊN Năm học 2023-2024

### I. THÔNG TIN CHUNG<sup>2</sup>

- Trường THCS xã Noong Luống
- Địa chỉ: Bản Nôm – Xã Noong Luống – huyện Điện Biên – tỉnh Điện

Biên

Công thông tin điện tử: <https://thcsnoongluong.huyendienbien.edu.vn>

- Loại hình: Cơ sở giáo dục công lập
- Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

#### \*. Sứ mệnh

Xây dựng môi trường học tập thân thiện, nề nếp, kỷ cương, chất lượng để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển năng lực, phẩm chất, khả năng sáng tạo của bản thân, biết ứng xử văn hóa, giao tiếp văn minh lịch sự và thích ứng với sự phát triển của xã hội để trở thành những công dân tốt. Nhà trường sẽ là người bạn đồng hành để mỗi ngày học, mỗi ngày sống là một ngày hạnh phúc của từng học sinh và gia đình các em.

#### \*. Tầm nhìn

Đến năm 2030 Trường THCS xã Noong Luống phấn đấu là một trường có chất lượng giáo dục tốp đầu của tỉnh Điện Biên, có cơ sở vật chất cơ bản hiện đại theo mô hình trường học thông minh. Giáo dục học sinh có nền tảng tri thức phổ thông toàn diện, có nhân cách và trí tuệ thời đại, có khả năng hội nhập và thích ứng nhanh.

#### \*. Giá trị cốt lõi

**Trí tuệ:** là một năng lực quan trọng góp phần làm nên truyền thống dạy giỏi của thầy và học giỏi của trò. Ý thức được trí tuệ như ngọc, muốn sáng phải mài, thầy và trò trường đã, đang và sẽ không ngừng trau dồi, rèn trí, luyện tài.

**Nhân văn:** là giá trị mà các thế hệ giáo viên và học sinh nhà trường luôn vun đắp, gìn giữ. Sống nghĩa tình, ứng xử với mọi người và môi trường xung quanh bằng tinh thần hướng thiện và hướng thượng là bài học nền tảng cũng là hành trang mỗi học sinh mang theo để hoàn thiện bản thân và kết nối với cộng đồng.

**Trách nhiệm:** là phẩm chất được nhà trường luôn có ý thức giáo dục học sinh để các em không chỉ có trách nhiệm với bản thân, với người thân mà còn sống có trách nhiệm với cộng đồng. Đặc biệt, học sinh trường THCS xã Noong Luống còn được giáo dục về trách nhiệm thông qua kết nối, hội tụ, lan toả giữa các thế hệ thầy trò để mái trường trở thành mái nhà chung, luôn làm ấm lòng mọi thành viên, không chia người gần người xa, người già người trẻ.

**Tự tôn:** Tôn trọng chính mình là cơ sở để mỗi người tự giác, nỗ lực không ngừng trong giảng dạy và học tập, để khẳng định, giữ gìn giá trị bản thân, góp

phần gìn giữ hình ảnh và giá trị ngôi trường. Tôn trọng chính mình là động lực để tạo ra sự khác biệt và biết tôn trọng sự khác biệt.

**Sáng tạo:** là yêu cầu cần có ở mọi thành viên trường THCS xã Noong Luống. Với vai trò tiên phong trong công cuộc đổi mới và phát triển giáo dục, giáo viên và học sinh nhà trường luôn phải vượt lên chính mình, tự làm mới chính mình để thực hiện sứ mệnh tiếp nối và phát triển. Vì vậy, mọi thành viên của trường đều nhận thức rõ sáng tạo là yêu cầu tiên quyết để tạo ra các giá trị, đều được tạo điều kiện tối đa để tự chủ và sáng tạo trong công việc.

**\*. Phương châm hành động**

***“ Chất lượng giáo dục là danh dự của nhà trường  
Tư duy giáo dục luôn thay đổi theo nhu cầu xã hội”***

**5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển giáo dục**

Trường THCS xã Noong Luống được thành lập tháng 8 năm 2000 theo Quyết định số 1021/2000/QĐ-UBND ngày 17/8/2000 của UBND huyện Điện Biên. Trong những năm học qua, nhà trường đã xây dựng được đội ngũ cán bộ quản lý, GV vững vàng về chuyên môn, nghiệp vụ, nhiệt tình, tâm huyết với nghề. Với sự quyết tâm, nỗ lực phấn đấu không ngừng của tập thể, nhà trường đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên công nhận đạt chuẩn Quốc gia vào tháng 12 năm 2007 và công nhận lại trường duy trì đạt chuẩn Quốc gia vào các năm 2014;2018;2023 Trường được công nhận kiểm định chất lượng Cấp độ 3 vào năm 2018; cấp độ 2 năm 2023. Trường đã khẳng định được uy tín, chất lượng, luôn tạo được niềm tin của nhân dân và chính quyền địa phương. Hàng năm, nhà trường được UBND huyện công nhận tập thể lao động xuất sắc, được tặng Giấy khen của UBND huyện, Bằng khen của UBND tỉnh Điện Biên,...

**6. Thông tin người đại diện pháp luật**

Họ và tên: Phạm Văn Phúc

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ: Trường THCS xã Noong Luống, huyện Điện Biên

Số điện thoại: 0834.425.107

Thư điện tử: [phucmn80@gmail.com](mailto:phucmn80@gmail.com)

**7. Tổ chức bộ máy**

a. Trường THCS xã Noong Luống được thành lập tháng 8 năm 2000 theo Quyết định số 1021/2000/QĐ-UBND ngày 17/8/2000 của UBND huyện Điện Biên.

b. Hội đồng trường thành lập theo Quyết định số 3675/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 của UBND huyện Điện Biên. Chủ tịch Hội đồng là ông Phạm Văn Phúc – Hiệu trưởng Bí thư Chi bộ, được UBND huyện công nhận theo quyết định số 2691/QĐ-UBND ngày 25/9/2023 của UBND huyện Điện Biên.

c. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được bổ nhiệm đúng theo quy định của pháp luật, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ trong công tác quản lý các hoạt động nhà trường.

d. Quy chế tổ chức và hoạt động: Nhà trường có quy chế tổ chức hoạt động hàng năm được công khai trên website trường.

đ. Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể đơn vị (nếu có): Không

e. Họ và tên, chức vụ, điện thoại, thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục

8. Các văn bản khác: không

## II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN<sup>3</sup>

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo;

Phụ Lục 01

ST T	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Hạng I
	<b>Tổng</b>	<b>29</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>24</b>	<b>0</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>21</b>	<b>0</b>
<b>I</b>	<b>Giáo viên</b>	<b>22</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>22</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>2</b>	<b>19</b>	<b>0</b>
1	- GV TPT Đội	1			1						1	
2	- GV Toán	3			3						3	
3	- GV Lý	2			2						2	
4	- GV Tin học	1			1						1	
5	- GV Văn	4			4					1	3	
6	- GV Sử	1			1						1	
7	- GV GD CD	0										
8	- GV Sinh	2			2						2	
9	- GV Hóa	1			1						1	
10	- GV Địa	2			2						2	
11	- GV Công Nghệ	0										
12	- GV tiếng Anh	2			2					1	1	
13	- GV Mỹ thuật	1			1						1	
14	- GV Âm nhạc	1			1							
15	- GV T dực	1			1						1	
<b>II</b>	<b>Cán bộ quản lý</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>2</b>	<b>0</b>
1	Hiệu trưởng	1		1							1	
2	Phó hiệu trưởng	1			1						1	
<b>III</b>	<b>Nhân viên</b>	<b>5</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Nhân viên văn thư - Thủ quỹ	1					1		1			
2	Nhân viên kế toán	1					1		1			
3	Nhân viên Thư viện	1			1				1			
4	Nhân viên Táp vụ	1						1				
5	Nhân viên bảo vệ	1						1				

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định; Phụ Lục 02:

STT	Nội dung	Tổng số	Chuẩn nghề nghiệp			
			Tốt	Khá	Đạt	K. đạt
*	<b>Tổng số GV, CBQL</b>	<b>24</b>	<b>15</b>	<b>9</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>I</b>	<b>Giáo viên</b>	22	14	8	0	0
	Tổng số	22	14	8	0	0
	Tỷ lệ %	100	63.6	36.4	0.0	0.0
<b>II</b>	<b>Cán bộ quản lý</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Hiệu trưởng	1	1	0	0	0
	Tỷ lệ %	100	100	0	0	0
2	Phó Hiệu trưởng	1	0	1	0	0
	Tỷ lệ %	100	0	100	0	0

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định: 29/29, đạt 100%

## II. CƠ SỞ VẬT CHẤT<sup>4</sup>

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2024-2025**

STT	Nội dung	SL	Bình quân	GHI CHÚ
<b>I</b>	<b>Số phòng học</b>	10	Số m <sup>2</sup> /học sinh	
<b>II</b>	<b>Loại phòng học</b>		-	
1	Phòng học kiên cố	10	1,33m <sup>2</sup>	MỖI PHÒNG 47,5m <sup>2</sup>
2	Phòng học bán kiên cố	0		MỖI PHÒNG 44m <sup>2</sup>
3	Phòng học tạm	0	-	
4	Phòng học nhờ	0	-	
5	Số phòng học bộ môn	6	1.25	MỖI PHÒNG 44m <sup>2</sup>
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	-	
7	Bình quân lớp/phòng học	10/10	-	
8	Bình quân học sinh/lớp	357/1	35.7	
<b>III</b>	<b>Số điểm trường</b>	1	-	
<b>IV</b>	<b>Tổng số diện tích đất (m<sup>2</sup>)</b>	9986,6	28	
<b>V</b>	<b>Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m<sup>2</sup>)</b>	5000	14.0	
<b>VI</b>	<b>Tổng diện tích các phòng</b>	925		
1	Diện tích phòng học (m <sup>2</sup> )	380	1.1	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m <sup>2</sup> )	210	0.6	
3	Diện tích thư viện (m <sup>2</sup> )	90	0.3	

STT	Nội dung	SL	Bình quân	GHI CHÚ		
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m <sup>2</sup> )	180	0.5			
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m <sup>2</sup> )	65	0.2			
<b>VII</b>	<b>Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu</b> (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp			
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	8	8/10lớp			
1.1	Khối lớp 6	2	2/3lớp			
1.2	Khối lớp 7	2	2/2lớp			
1.3	Khối lớp 8	2	2/2lớp			
1.4	Khối lớp 9	2	2/3lớp			
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định					
2.1	Khối lớp 6	0				
2.2	Khối lớp 7	0				
2.3	Khối lớp 8	0				
2.4	Khối lớp 9	0				
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	0				
<b>VIII</b>	<b>Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập</b> (Đơn vị tính: bộ)	25	Số HS/bộ 13			
<b>IX</b>	<b>Tổng số thiết bị dùng chung khác</b>		Số thiết bị/lớp			
1	Ti vi	2				
2	Cát xét	3				
3	Đầu Video/đầu đĩa	2				
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	18		11 máy projector/ 7 máy chiếu vật thể		
5	Đàn	17		Đàn GV 2; Đàn HS 15		
6	Máy photo	2		1 cái đã bị hỏng		
X	Nhà bếp	0				
XI	Nhà ăn	0				
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0				
XIII	Khu nội trú	0				
XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m <sup>2</sup> /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*			2		0,24
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	1				

(\*Theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

STT	Nội dung	SL	Bình quân	GHI CHÚ		
				Có	Không	
	<b>Nội dung</b>					
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh			x		
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)			x		
XVII	Kết nối internet			x		
XVII	Trang thông tin điện tử (website) của trường			x		
I						
XIX	Trường rào xây			x		

#### IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC<sup>5</sup>

<sup>5</sup> Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 3 Điều 6, khoản 3 Điều 8, khoản 3 Điều 10 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

a/ Kết quả tự đánh giá chất lượng; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá  
**Đánh giá tiêu chí mức 1, 2 và 3**

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả tự đánh giá				Kế hoạch cải tiến sau tự đánh giá			
	Không đạt	Đạt			Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3		Mức 1	Mức 2	Mức 3
<b>Tiêu chuẩn 1</b>								
Tiêu chí 1.1		x	x	x		x	x	x
Tiêu chí 1.2		x	x	-		x	x	-
Tiêu chí 1.3		x	x	x		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x	x	-		x	x	-
Tiêu chí 1.6		x	x	x		x	x	x
Tiêu chí 1.7		x	x	-		x	x	-
Tiêu chí 1.8		x	x	-		x	x	-
Tiêu chí 1.9		x	x	-		x	x	-
Tiêu chí 1.10		x	x	-		x	x	-
<b>Tiêu chuẩn 2</b>								
Tiêu chí 2.1		x	x	x		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	x		x	x	x
Tiêu chí 2.3		x	x	x		x	x	x
Tiêu chí 2.4		x	x	x		x	x	x
<b>Tiêu chuẩn 3</b>								
Tiêu chí 3.1		x	x	x		x	x	x
Tiêu chí 3.2		x	x	-		x	x	-
Tiêu chí 3.3		x	x	x		x	x	x
Tiêu chí 3.4		x	x	-		x	x	-
Tiêu chí 3.5		x	x	x		x	x	x
Tiêu chí 3.6		x	x	x		x	x	x

<b>Tiêu chuẩn 4</b>								
Tiêu chí 4.1		x	x	x		x	x	x
Tiêu chí 4.2		x	x	x		x	x	x
<b>Tiêu chuẩn 5</b>								
Tiêu chí 5.1		x	x	x		x	x	x
Tiêu chí 5.2		x	x	x		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	-		x	x	-
Tiêu chí 5.4		x	x	-		x	x	-
Tiêu chí 5.5		x	x	x		x	x	x
Tiêu chí 5.6		x	x	x		x	x	x

**Kết quả: Đạt mức 2**

**Đánh giá tiêu chí Mức 4**

Tiêu chí	Kết quả tự đánh giá		Kết quả đánh giá ngoài		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	
Tiêu chí 1		x		x	
Tiêu chí 2	x		x		
Tiêu chí 3	x		x		
Tiêu chí 4		x		x	
Tiêu chí 5	x		x		
Tiêu chí 6	x			x	

**Kết quả: Không đạt Mức 4.**

**Kết luận: Trường đạt Mức 2**

b/ Kết quả đánh giá ngoài và công nhận kiểm định, đạt chuẩn Quốc gia; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá

**Đánh giá tiêu chí mức 1, 2 và 3**

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả đánh giá				Kế hoạch cải tiến sau đánh giá			
	Không đạt	Đạt			Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3		Mức 1	Mức 2	Mức 3
<b>Tiêu chuẩn 1</b>								
Tiêu chí 1.1		x	x	x		x	x	x
Tiêu chí 1.2		x	x	-		x	x	-
Tiêu chí 1.3		x	x	x		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x	x	-		x	x	-
Tiêu chí 1.6		x	x	x		x	x	x
Tiêu chí 1.7		x	x	-		x	x	-
Tiêu chí 1.8		x	x	-		x	x	-
Tiêu chí 1.9		x	x	-		x	x	-

Tiêu chí 1.10		x	x	-		x	x	-
<b>Tiêu chuẩn 2</b>								
Tiêu chí 2.1		x	x	x		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	x		x	x	x
Tiêu chí 2.3		x	x	x		x	x	x
Tiêu chí 2.4		x	x	x		x	x	x
<b>Tiêu chuẩn 3</b>								
Tiêu chí 3.1		x	x	x		x	x	x
Tiêu chí 3.2		x	x	-		x	x	-
Tiêu chí 3.3		x	x	x		x	x	x
Tiêu chí 3.4		x	x	-		x	x	-
Tiêu chí 3.5		x	x	x		x	x	x
Tiêu chí 3.6		x	x	x		x	x	x
<b>Tiêu chuẩn 4</b>								
Tiêu chí 4.1		x	x	x		x	x	x
Tiêu chí 4.2		x	x	x		x	x	x
<b>Tiêu chuẩn 5</b>								
Tiêu chí 5.1		x	x	x		x	x	x
Tiêu chí 5.2		x	x	x		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	-		x	x	-
Tiêu chí 5.4		x	x	-		x	x	-
Tiêu chí 5.5		x	x	x		x	x	x
Tiêu chí 5.6		x	x	x		x	x	x

**Kết quả: Đạt mức 2**

**Đánh giá tiêu chí Mức 4**

Tiêu chí	Kết quả tự đánh giá		Kết quả đánh giá ngoài		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	
Tiêu chí 1		x		x	
Tiêu chí 2	x		x		
Tiêu chí 3	x		x		
Tiêu chí 4		x		x	
Tiêu chí 5	x		x		
Tiêu chí 6	x			x	

**Kết quả: Không đạt Mức 4.**

**Kết luận: Trường đạt Mức 2**

## V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC<sup>6</sup>

<sup>6</sup> Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 2, 3 Điều 7, khoản 2, 3 Điều 9, khoản 2, 3 Điều 11 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.



1. Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối. Số học sinh bình quân/Lớp theo từng khối. Số lượng học sinh học 2 buổi/ ngày. Số học sinh nam/nữ; học sinh là người dân tộc thiểu số. học sinh khuyết tật; học sinh được chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường:

- Kết quả tuyển sinh: 101/101, đạt 100%

- Tổng hợp số liệu học sinh (Biểu 5.1):

Khối	Số lớp	TSHS	TSHS/lớp	Số HS học buổi 2	HS nam/nữ	Dân tộc	HS Khuyết tật
6	3	101	34	80	39/62	73	0
7	2	79	40	62	36/43	53	0
8	2	80	40	58	77/33	59	0
9	3	91	30	65	50/41	56	0
<b>Tổng</b>	<b>10</b>	<b>351</b>	<b>35</b>	<b>265</b>	<b>172/179</b>	<b>241</b>	<b>0</b>

Số học sinh chuyển trường trong năm học: 03

Số học sinh tiếp nhận chuyên đề trong năm học: 02

2. Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của bộ giáo dục. Về số lượng học sinh được lên lớp học sinh không được lên lớp (Biểu 5.2):

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
<b>I</b>	<b>Số học sinh chia theo phẩm chất</b>	<b>351</b>	<b>101</b>	<b>79</b>	<b>80</b>	91
1	Tốt	<b>275</b>	82	61	63	69
	<i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>	78.3%	81.2%	77.2%	78.8%	75.8%
2	Đạt	<b>75</b>	19	18	17	21
	<i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>	21.4%	18.8%	22.8%	21.3%	23.1%
3	Cần cố gắng	<b>1</b>	0	0	0	1
	<i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>	0.3%	0.0%	0.0%	0.0%	1.1%
<b>II</b>	<b>Số học sinh chia theo Học tập</b>	<b>351</b>	<b>101</b>	<b>79</b>	<b>80</b>	91
1	Tốt	<b>38</b>	11	8	9	10
	<i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>	10.8%	10.9%	10.0%	11.3%	10.9%
2	Đạt	<b>301</b>	88	69	68	76
	<i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>	85.8%	87.1%	87.3%	85.0%	83.5%
3	Có nội dung chưa hoàn thành	<b>12</b>	2	2	3	5
	<i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>	3.4%	2.0%	2.5%	3.8%	5.5%
<b>III</b>	<b>Số học sinh chia theo Năng lực</b>	<b>351</b>	<b>101</b>	<b>79</b>	<b>80</b>	91
1	Tốt	<b>38</b>	11	8	9	10
	<i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>	10.8%	10.9%	10.1%	11.3%	11.0%
2	Đạt	<b>301</b>	88	69	68	76

	<i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>	85.8%	87.1%	87.3%	85.0%	83.5%
3	Cần cố gắng	<b>12</b>	2	2	3	5
	<i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>	3.4%	2.1%	1.1%	3.5%	5.6%
<b>III</b>	<b>Tổng hợp kết quả cuối năm</b>					
1	Lên lớp	<b>348</b>	<b>101</b>	<b>79</b>	<b>78</b>	90
	<i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>	99.1%	100.0%	100.0%	97.5%	98.9%
a	Học sinh giỏi	<b>38</b>	11	8	9	10
	<i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>	10.8%	10.9%	10.1%	11.3%	11.0%
b	Học sinh tiên tiến	<b>122</b>	35	24	23	40
	<i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>	34.8	34.7%	30.4%	28.8%	44.0%
2	Thi lại	<b>7</b>	2	2	3	0
	<i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>	2.0%	2.0%	2.5%	3.8%	0.0%
3	Lưu ban	<b>2</b>	0	0	2	0
	<i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>	0.6%	0.0%	0.0%	2.5%	0.0%
4	Chuyển trường đên/đi	<b>3</b>	0	1	2	0
	<i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>	0,9%	0.0%	1,3%	2.5%	0.0%
5	Bị đuổi học	<b>0</b>	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học)	<b>0</b>	0	0	0	0
<b>IV</b>	<b>Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi</b>	<b>41</b>	8	7	15	11
1	Cấp huyện	<b>40</b>	8	7	15	10
2	Cấp tỉnh/thành phố	<b>1</b>	0	0	0	<b>1</b>
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	<b>0</b>	0	0	0	0
<b>V</b>	<b>Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp</b>	<b>90</b>	0	0	0	90
<b>VI</b>	<b>Số học sinh được công nhận tốt nghiệp cả hai hệ</b>	<b>90</b>				90
1	Giỏi	<b>10</b>				10
	<i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>	11.1%				11.1%
2	Khá	<b>43</b>				43
	<i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>	47.8%				47.8%
3	Trung bình	<b>37</b>				37
	<i>(Tỷ lệ so với tổng số)</i>	41.1%				41.1%

3. Số học sinh được công nhận hoàn thành chương trình; học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số học sinh trúng tuyển vào cơ sở giáo dục, Nghề nghiệp.

Số học sinh được công nhận hoàn thành chương trình: 90/90, đạt 100%

Số học sinh được cấp bằng tốt nghiệp 90/90, đạt 100%

Số học sinh tốt nghiệp THCS học THPT, Trung cấp, học nghề: 85/90, đạt 94%

## VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH<sup>7</sup>

<sup>7</sup> Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 1, 3, 4 Điều 5 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

### 6.1. Ngân sách năm 2023

*Đvt: Triệu đồng*

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Dự toán chi ngân sách nhà nước	4.967.696.937
I	Nguồn ngân sách trong nước	4.967.696.937
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	<b>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</b>	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia</i>	
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ</i>	
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở</i>	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	4.967.696.937
3.1	<b>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</b>	4.967.696.937
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	

### 6.2. Các khoản thu, mức thu và dự kiến năm học tiếp

TT	Nội dung	ĐVT	Mức thu	Ghi chú
I	Năm học 2023-2024			
1	Học phí	Đồng	25.000/HS/tháng	
2	Dịch vụ dọn vệ sinh	Đồng	70.000/HS/năm học	
3	Bảo hiểm y tế	Đồng	486.000/HS/năm	
II	Năm học 2024-2025			
1	Học phí	Đồng	25.000/HS/tháng	
2	Dịch vụ dọn vệ sinh	Đồng	70.000/HS/năm học	
3	Bảo hiểm y tế	Đồng	631.800/HS/năm	

6.3. Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí học bổng đối với học sinh.

a/ Tháng 9-12/2023:

Nội dung	Số học sinh	Số tiền (đồng)	Ghi chú
Đối tượng miễn học phí 100%	169	16.900.000	
Đối tượng miễn giảm 50% học phí	26	1.300.000	
Số học sinh được hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021	167	100.200.000	
Học sinh được hỗ trợ chi phí học tập theo NĐ 57/	01	3.128.000	

b/ Tháng 1-5/2024:

Nội dung	Số học sinh	Số tiền (đồng)	Ghi chú
Đối tượng miễn học phí 100%	163	20.375.000	
Đối tượng miễn giảm 50% học phí	28	1.750.000	
Số học sinh được hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021	160	120.000.000	
Học sinh được hỗ trợ chi phí học tập theo NĐ 57/	02	7.200.000	

6.4. Công khai số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có), tính đến tháng 6/2024.

Nội dung	Số tiền dư(đồng)	Ghi chú
Tiền gửi kho bạc (chi Thường xuyên)	2.717.551.756	
Tiền gửi kho bạc (chi Không Thường xuyên)	721.796.900	
Tiền gửi kho bạc (Phí, học phí,....)	21.500.000	
Tiền gửi kho bạc (công đoàn)	3.510.001	
Tiền gửi ngân hàng BIDV (lương)	0	
Tiền gửi Ngân hàng nông nghiệp (Học phí, hỗ trợ chi phí học tập, công đoàn)	0	

- Công khai quyết toán thu - chi các khoản đóng góp của các tổ chức, cá nhân, năm học 2023-2024

TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
I	Số tiền huy động được	160.550.000	
1	Của tổ chức	160.550.000	

	Vận động tài trợ	123.500.000	
	Nước uống	15.450.000	
	Vệ sinh	21.600.000	
2	Của các cá nhân	0	
II	Sử dụng số tiền huy động được	160.550.000	
	Vận động tài trợ	123.500.000	
	Nước uống	15.450.000	
	Vệ sinh	21.600.000	
III	Số tiền huy động được còn dư	0	
	Vận động tài trợ	0	
	Nước uống	0	
	Vệ sinh	0	

### 6.5. Công khai tài chính ngân sách năm 2024 (tính đến hết tháng 6/2024)

*ĐVT: triệu đồng*

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện quý II, năm 2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý II nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
	Dự toán chi ngân sách nhà nước	6.089.50			
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	6.089.50	2.650.2	44%	122%
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	5.240.60	2.523.0	48%	131%
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	848.90	127.2	15%	51%
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				

5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

## VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC<sup>8</sup>

### 1. Tình hình triển khai thực hiện nhiệm vụ chuyên môn; đánh giá kết quả chỉ đạo, thực hiện các nội dung đổi mới

Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ năm học, văn bản quy định khung thời gian năm học, các văn bản chỉ đạo chuyên môn. Ban giám hiệu nhà trường đã chỉ đạo chuyên môn xây dựng kế hoạch chỉ đạo chuyên môn, chỉ đạo các tổ chuyên môn, nhóm giáo viên cốt cán trường thảo luận về chương trình dạy học để lựa chọn các chủ đề, kiến thức cho phù hợp với đối tượng học sinh của trường. BGH đã chỉ đạo nhóm giáo viên bộ môn nghiên cứu kỹ chương trình, từ đó xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với đối tượng học sinh. Trước khi thực hiện thời gian năm học, BGH đã duyệt kế hoạch và ra quyết định để thực hiện chương trình đã xây dựng.

Nhà trường đã tổ chức triển khai tốt tới đội ngũ giáo viên và HS chương trình giáo dục phổ thông mới theo thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT: Tạo điều kiện cho giáo viên tham gia tập huấn chương trình giáo dục phổ thông do Phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức. Kết quả 100% giáo viên tham gia tập huấn đầy đủ nghiêm túc các modul Bộ GD&ĐT đã triển khai.

Nhà trường triển khai thực hiện chương trình phổ thông 2018 đối với lớp 6,7, 8 Tổ chức cho 100% CBQL, giáo viên tham gia lựa chọn SGK lớp 8 theo đúng quy trình, giáo viên bộ môn được nghiên cứu tài liệu SGK lớp 8 theo Chương trình GDPT mới 2018, hội thảo trực tuyến, trao đổi trong sinh hoạt nhóm chuyên môn để thống nhất và lựa chọn được bộ SGK đáp ứng với yêu cầu đổi mới trong giáo dục.

Thực hiện tốt đổi mới phương pháp dạy học tích cực ứng dụng CNTT, giáo dục tích hợp trong giảng dạy, hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập, việc kiểm tra đánh giá tích cực đối với học sinh. Tổ chức tham gia Hội thi khoa học kỹ thuật. Nội dung có lồng ghép giáo dục địa phương, gắn việc học tập và làm theo tấm gương tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh, đẩy mạnh việc giáo dục pháp luật, kỹ năng sống và bảo vệ môi trường cho HS.

Ban chuyên môn đã tổ chức tốt các chuyên đề cấp cụm, cấp trường về đổi mới PPDH, áp dụng PP dạy học mới, dạy học đáp ứng chương trình GDPT tổng thể 2018, quan tâm đến chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh. CB-GV đã sử dụng có hiệu quả phòng bộ môn, như sử dụng thiết bị đồ dùng trong tiết dạy, UDCNTT vào dạy học, tham khảo tài liệu trên mạng nhằm có thêm kiến thức và phương pháp giảng dạy hiệu quả. Trong năm đã có 20 giáo viên thường xuyên sử dụng phòng bộ môn với trên 500 tiết, thực hiện 400 tiết trình chiếu, 100% giáo viên soạn giảng bằng máy tính.

BGH đã chỉ đạo nghiêm túc việc đổi mới phương pháp kiểm tra đánh giá học sinh theo chương trình tích hợp, đã có giải pháp giúp đỡ học sinh có học lực kém như: mở các lớp phụ đạo, tổ chức dạy học sát đối tượng, thực hiện nghiêm túc chương trình giảm tải của BGDĐT để học sinh tránh tình trạng quá tải. Trong năm, thường xuyên kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của giáo viên và đánh giá việc thực hiện để có sự điều chỉnh cho phù hợp.

Nhà trường thực hiện xây dựng kế hoạch ôn thi vào lớp 10 THPT, tổ chức công tác ôn thi, phụ đạo cho học sinh đảm bảo chất lượng. Tiến hành tổ chức thi thử cho học sinh khối 9 từ đó đánh giá chất lượng học sinh để có các giải pháp ôn thi kịp thời cho học sinh

Chuyên môn nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi ngay từ đầu năm học, tiến hành triển khai phân công giáo viên ôn tập cho học sinh một cách hiệu quả và chất lượng. Định kỳ hàng tháng tiến hành tổ chức kiểm tra khảo sát học sinh. Yêu cầu giáo viên xây dựng nội dung, chương trình bồi dưỡng có hiệu quả và chất lượng.

Nhà trường thực hiện nghiêm túc văn bản chỉ đạo của các cấp việc dạy thêm học thêm phù hợp với đối tượng học sinh (nâng cao và bám sát) nhưng đảm bảo chuẩn kiến thức kỹ năng của môn học nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh trong nhà trường ngay từ đầu năm.



Thực hiện tốt việc dạy học bám sát đối tượng học sinh, phát huy được năng lực phẩm chất học cho học sinh.

Tốt nghiệp THCS đạt 90/91 HS = 98,9% (01 học sinh – Tòng Lệ Quyên 9D3 không đủ điều kiện xét TN – Lý do: nghỉ học quá 45 buổi). Danh hiệu thi đua các lớp Tiên tiến: 8/10 đạt 80%;

\* Kết quả thực hiện các cuộc thi của giáo viên và học sinh: Cấp trường, huyện, tỉnh.

+ Tổ chức cuộc thi học sinh giỏi cấp trường, tuyển chọn học sinh thi cấp huyện cấp tỉnh. Kết quả:

Cấp	Trường	Huyện	Tỉnh	Ghi chú
Số giải HSG văn hóa khối 9	15	10	1	
Số giải HSG văn hóa khối 6,7,8	45	30	0	
Thi KHKT	3	01 giải Nhi	0	
Thi sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng	3	02 giải KK	0	
Thể thao học sinh		3	1	

- Công tác xây dựng xã hội học tập: Nhà trường làm tốt công tác tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương trong việc xây dựng Kế hoạch triển khai công tác “Cộng đồng học tập” cấp xã hàng năm. Tham mưu văn bản chỉ đạo các Chi hội khuyến học tổ chức cho các gia đình, dòng họ, cộng đồng đăng ký phấn đấu đạt danh hiệu gia đình học tập, dòng họ học tập, cộng đồng học tập, đơn vị học tập. Phân công giáo viên phụ trách thôn bản cùng chi hội trưởng các thôn bản hướng dẫn người dân nghiên cứu bộ tiêu chí đánh giá, tuyên truyền vận động đề gia đình, dòng họ, thôn bản tích cực đăng ký các danh hiệu.

\*) Giáo dục nghề nghiệp và phân luồng học sinh sau trung học cơ sở

Nhà trường thực hiện dạy hướng nghiệp đảm bảo đúng quy định đối với lớp 9. Xây dựng chương trình dạy hướng nghiệp cho HS với các chủ đề: ý nghĩa, tầm quan trọng của việc chọn nghề; Định hướng phát triển kinh tế xã hội; Tìm hiểu nghề địa phương; Hệ thống giáo dục trung học chuyên nghiệp.... Bên cạnh đó nhà trường còn tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm, hoạt động tư vấn hướng nghiệp nhằm nâng cao nhận thức về định hướng nghề nghiệp cho học sinh. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh cho GVCN để làm tốt công tác tuyên truyền tới HS và phụ huynh về công tác hướng nghiệp, định hướng cho học sinh chọn nghề hoặc tiếp tục đăng ký vào học THPT theo năng lực. Kết quả 9/91 HS đạt 100% được học hướng nghiệp.

Nhà trường phối hợp với các trường CĐ dạy nghề tỉnh Điện Biên tổ chức 02 buổi tuyên truyền giáo dục hướng nghiệp cho các em HS lớp 9. Kết quả kiểm tra số liệu khảo sát của nhà trường học sinh sau khi tốt nghiệp THCS tiếp tục vào học các trường THPT hoặc đi học nghề đạt 75/80 em, đạt 94%, với kết quả này đã góp phần tăng tỷ lệ đối tượng 15-18 tuổi tiếp tục học THPT hoặc học nghề được duy trì vững chắc chuẩn phổ cập GD THCS mức độ 3 và đạt chuẩn tiêu chí 14.2 trong bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới của xã.

\*) Công tác giáo dục dân tộc, giáo dục vùng đặc biệt khó khăn

Nhà trường luôn quan tâm đến việc nâng cao chất lượng sử dụng tiếng Việt và tiếng dân tộc để HS DT có điều kiện trong giao tiếp. Chú trọng đến chất lượng cho HS dân tộc như tổ chức dạy học đáp ứng cho HS DT trong đó có phụ đạo cho HS dân tộc có học lực còn yếu, động viên HS dân tộc tham gia đội tuyển học sinh giỏi để dự thi HSG cấp trường, cấp huyện, cấp tỉnh..., tham gia thi đấu TDTT. Giúp đỡ HS DT có hoàn cảnh khó khăn như tặng sách vở, quần áo, học bổng...

Xây dựng và giáo dục học sinh thực hiện tốt Quy tắc ứng xử văn hóa trong nhà trường; xây dựng lối sống văn minh, thanh lịch của học sinh dân tộc; hướng dẫn học sinh phương pháp tự học; tăng cường giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống cho học sinh với các nội dung thiết thực, phù hợp tâm lí, sinh lí lứa tuổi và đặc điểm văn hóa DTTS; phối hợp với các cơ sở y tế của địa phương chăm sóc sức khỏe cho học sinh, chủ động, tích cực phòng chống dịch bệnh, giáo dục học sinh thực hiện nghiêm túc công tác phòng chống dịch bệnh trong trường học.

Tăng cường công tác nâng cao hiệu quả các hoạt động giáo dục văn hóa dân tộc và kiến thức địa phương, hoạt động văn nghệ, thể thao để nâng cao đời sống tinh thần và giáo dục toàn diện cho học sinh dân tộc, học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Tăng cường các hoạt động tư vấn, hỗ trợ, giúp đỡ kịp thời học sinh trong học tập để các em được giáo dục và phát triển toàn diện.

Thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với học sinh theo đúng quy định của Nhà nước. Thường xuyên quan tâm đến học sinh có hoàn cảnh khó khăn do điều kiện kinh tế, cuộc sống gia đình, học sinh thuộc diện chính sách, học sinh khuyết tật, ... Huy động các nguồn lực trong và ngoài nhà trường, kết hợp với các tổ chức đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội, ban đại diện cha mẹ học sinh, chính quyền địa phương kịp thời hỗ trợ tinh thần, vật chất giúp đỡ các em trong học tập, với phương châm “đủ ăn, đủ quần áo, đủ sách vở đồ dung học tập”, không để học sinh nghỉ học vì hoàn cảnh khó khăn.

\*) Nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh

Nhà trường tiếp tục triển khai thực hiện Đề án ngoại ngữ của tỉnh Điện Biên, thực hiện dạy tiếng Anh chương trình hệ 10 năm, có 02 giáo viên dạy ngoại ngữ đạt trình độ B2 đáp ứng yêu cầu triển khai chương trình ngoại ngữ hệ 10 năm. Giáo viên giảng dạy môn ngoại ngữ tham gia đầy đủ các lớp tập huấn và bồi dưỡng chuyên môn do ngành tổ chức.

Nhà trường đang triển khai học tiếng anh hệ 10 năm ở tất cả các khối lớp 6,7,8,9 (10 lớp với 335 HS). Các giáo viên và HS giao tiếp chủ yếu bằng tiếng anh trong tiết học ngoại ngữ.

Thực hiện nghiêm túc các văn bản hướng dẫn dạy học và kiểm tra đánh giá HS với môn Tiếng Anh với các kỹ năng nghe, đọc, viết và kiến thức ngôn ngữ theo đúng chỉ đạo của Sở GD&ĐT. Thực hiện đổi mới kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh. Có đầy đủ phòng dạy học ngoại ngữ, trang thiết bị dạy học ngoại ngữ, phần mềm, học liệu. Nhà trường có 01 phòng học dạy học ngoại ngữ, có đủ trang thiết bị dạy học ngoại ngữ, phần mềm, học liệu.

\*) Công tác phổ cập giáo dục - xóa mù chữ

**Kết quả thực hiện các tiêu chí đạt chuẩn PC GDTHCS (báo cáo đến thời điểm 31/5/2024) nhà trường duy trì chuẩn phổ cập THCS mức độ 3.**

\*) Công tác Đảng/Đoàn/Đội/Hội/Công đoàn của đơn vị

Nhà trường có 03 tổ chuyên môn gồm Tổ KHXH; KHTN và HGD. Các tổ chuyên môn nhà trường hoạt động có hiệu quả, giúp nhà trường thực hiện tốt công tác quản lý chuyên môn. Các tổ chuyên môn thực hiện đổi mới nội dung sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn, các nội dung sinh hoạt chuyên môn đã tập trung tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong chuyên môn dạy và học, các bài dạy dài, khó, các chuyên đề dạy học trải nghiệm, chuyên đề dạy học giáo dục STEM; nâng cao chất lượng bồi dưỡng học sinh giỏi, đề xuất lựa chọn sách giáo khoa, các giải pháp nâng cao chất lượng các cuộc thi của giáo viên và học sinh... Các tổ chuyên môn thực hiện sinh hoạt chuyên môn định kỳ ít nhất 2 lần/tháng; Mỗi tổ chuyên môn thực hiện tối thiểu 04 chuyên đề/năm học. Vận dụng các chuyên đề này một cách thiết thực nhằm đẩy mạnh chất lượng GD trong nhà trường. Tăng cường hoạt động trao đổi chuyên môn giữa các trường trong cụm chuyên môn ít nhất 2 lần/học kỳ; sinh hoạt chuyên môn cấp huyện 2 lần/học kỳ. Cán bộ quản lý, giáo viên các tổ chuyên môn tích cực tham gia các hoạt động chuyên môn trên trang mạng của Bộ GD&ĐT về tập huấn, bồi dưỡng trực tuyến (Hệ thống LMS); xây dựng các chuyên đề dạy học tích hợp, liên môn; đổi mới phương pháp, hình thức dạy học và kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh.

Tổ hành chính (văn phòng) thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ của tổ, hỗ trợ nhà trường trong việc quản lý hành chính, thực hiện tốt các chức năng văn phòng, công tác hỗ trợ giáo dục, công tác văn thư, lưu trữ, quản lý thiết bị, thư viện, tài sản, thực hiện đảm bảo chế độ chính sách cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Chi bộ nhà trường có 14 Đảng viên. Chi bộ có nghị quyết theo nhiệm kỳ, kế hoạch hoạt động Hằng năm, hoạt động đúng Điều lệ Đảng, lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền và các đoàn thể thực hiện nhiệm vụ giáo dục và hoạt động của các đoàn thể. Đảng viên trong chi bộ thực hiện nghiêm túc kỷ luật Đảng, không vi phạm những Điều Đảng viên không được làm, Chi bộ luôn quan tâm đến công tác giáo dục tư tưởng chính trị, xây dựng tổ chức. Năm 2022 được Đảng bộ xã đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Công đoàn trường tổ chức tốt thực hiện kế hoạch nhằm chăm lo đời sống, đại diện bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đội ngũ cán bộ, nhà giáo, nhân viên trong nhà trường. Hoạt động của Công đoàn đã góp phần tích cực giúp nhà trường thực hiện mục tiêu giáo dục, có nhiều đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

Chi đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trường có phương hướng kế hoạch hoạt động rõ ràng, tạo môi trường giáo dục, rèn luyện đoàn viên, thanh thiếu niên nhi đồng, tổ chức nhiều hoạt động của Đoàn thanh niên góp phần hoàn thành tốt các nhiệm vụ, mục tiêu giáo dục của nhà trường trong năm học.

Liên đội nhà trường tổ chức xây dựng kế hoạch hoạt động, giáo dục cho đội viên học tập và làm theo 5 điều Bác Hồ dạy, phấn đấu trở thành con ngoan trò giỏi. Hoạt động của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh có đóng góp tích cực, hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường trong năm học.

**2. Nâng cao chất lượng, chuẩn hóa đội ngũ giáo viên, giảng viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao**

Nhà trường triển khai, tổ chức thực hiện cho viên chức nhà trường học tập các quy định nội quy của ngành; thực hiện nghiêm túc quy chế cơ quan.

Hàng năm ban hành quy chế làm việc, quy chế văn hóa công sở, sát với thực tế đơn vị, nội dung quy chế được bàn bạc thống nhất thảo luận trong Hội nghị CCVC đầu năm học.

Nhà trường thực hiện tốt việc sắp xếp bố trí giáo viên, nhân viên đúng với năng lực sở trường cá nhân. Các công việc được thường xuyên triển khai thực hiện có hiệu quả, điều chỉnh kịp thời linh động kế hoạch nhiệm vụ năm học. Qua đó chất lượng và hiệu quả công việc của nhiều cá nhân được đảm bảo hoàn thành xuất sắc kế hoạch nhiệm vụ năm học cấp trên giao.

Tổng số CB, GV 24 đồng chí trong đó đạt chuẩn và trên chuẩn: 24/24 đ/c đạt 100%; 01 đ.c trình độ Thạc sĩ đạt 4%.

+ Số viên chức trở lên giữ chức vụ quản lý đã được bồi dưỡng năng lực, kỹ năng quản lý trước khi bổ nhiệm có 02/02 người đạt tỷ lệ 100%.

+ 3/3 tổ trưởng chuyên môn đều được bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn tổ trưởng.

+ Nhà trường luôn tạo điều kiện cho giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, các lớp học nâng cao trình độ. Các lớp học bồi dưỡng hạng, chức danh nghề nghiệp, tính đến thời điểm hiện tại 100% giáo viên có chứng chỉ chức danh nghề nghiệp, có 01 giáo viên hoàn thành lớp trung cấp lý luận chính trị, 100% CBQL tham gia học lớp bồi dưỡng quản lý trường học.

+ Tổ chức Hội nghị CC-VC đầu năm xây dựng các chỉ tiêu giáo dục. Tích cực tổ chức các chuyên đề bồi dưỡng giáo viên, tích cực đổi mới PPDH, đổi mới kiểm tra đánh giá; 100% cán bộ quản lý, giáo viên hoàn thành chương trình tập huấn các modul theo chương trình tập huấn của phòng GD&ĐT; 100% CBQL, GV thường xuyên ứng dụng CNTT vào đổi mới phương pháp giảng dạy. Đẩy mạnh công tác tự học tự bồi dưỡng. GV giảng dạy theo chuẩn kiến thức kỹ năng, tổ chức phụ đạo, bồi dưỡng học sinh đạt chất lượng. Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên đối với cán bộ, giáo viên toàn trường. Tham gia đầy đủ các cuộc thi các cấp phát động, phổ biến kiến thức pháp luật cho toàn trường. Tích cực tìm hiểu văn bản pháp luật, cập nhật kiến thức xã hội, kiến thức chuyên môn để nâng cao năng lực cá nhân.

Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá CB-GV theo chuẩn nghề nghiệp. Tính đến 5/2024 toàn trường có 22/24 đồng chí CB-GV xếp hạng II: V7.04.11; 02 giáo viên xếp hạng III.

Tổ chức kỳ thi giáo viên dạy giỏi cấp trường, Tham gia thi GVG cấp huyện đạt 8/8 GV dạy giỏi cấp huyện, cấp tỉnh đạt 2/2 giáo viên).

Thực hiện tốt việc đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên và chuẩn hiệu trưởng trường. Kết quả Đánh giá theo chuẩn:

+ Hiệu trưởng xếp loại Tốt; Phó HT xếp loại Khá; (theo TT14)

+ Xếp loại chuẩn Giáo viên theo TT20: tốt 14; khá 8; CĐ: 0

Kết quả Đánh giá viên chức: HTXS NV: 5 đ.c; HTTNV: 23 đ.c; HTNV: 01 đ.c.

- Công tác phát triển đảng: Nhà trường phối hợp với tổ chức Công đoàn, tổ chuyên môn xây dựng nội dung định hướng bồi dưỡng chuyên môn, phẩm chất đạo đức cho đoàn viên, quần chúng ưu tú. Tuy nhiên do độ tuổi giáo viên nhà trường không còn trẻ, do vậy nhiều giáo viên chưa sẵn sàng để đứng trong hàng ngũ của Đảng, vì vậy năm học 2023-2024: không có ĐV mới.

Tích cực thực hiện kiểm tra, tổng hợp đánh giá tình hình kết quả thực hiện đổi mới CT, SGK giáo dục phổ thông theo lộ trình; kịp thời phát hiện những khó khăn vướng mắc báo cáo Phòng Giáo dục và Đào tạo theo quy định. Phân công chuyên môn giáo viên dạy phù hợp với bộ môn, chương trình giáo dục. Chủ động đầy đủ các điều kiện về cơ sở vật chất, sách giáo khoa, trang thiết bị trước khi bước vào năm học mới.

Triển khai thực hiện giảng dạy chương trình giáo dục địa phương theo đúng kế hoạch giáo dục nhà trường, ngoài giảng dạy tài liệu giáo dục địa phương đã được phê duyệt thì giáo viên còn sưu tầm thêm các số liệu, tài liệu địa phương để bổ sung vào bài dạy thêm phong phú. Trong quá trình giảng dạy giáo viên bộ môn đã đề xuất những khó khăn, vướng mắc cần điều chỉnh vào nội dung chương trình giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

- Việc hướng dẫn và thực hiện các quyền lợi, nghĩa vụ, các chế độ, chính sách đối với giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục

Nhà trường hoạt động theo Điều lệ trường học ban hành theo TT 32/2020 của Bộ GD&ĐT. Cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh được đảm bảo quyền lợi theo Điều lệ trường học và được hưởng các chính sách hỗ trợ theo quy định của Nhà nước.

Nhà trường đảm bảo các chế độ chính sách theo quy định của pháp luật cho cán bộ, viên chức trong toàn trường. Thực hiện nghiêm túc đúng và đủ chế độ đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh toàn trường. Đảm bảo ngày giờ công lao động, tiền lương được chi trả kịp thời. Thực hiện xét nâng lương đúng theo hướng dẫn, thực hiện công tác công khai tài chính, công khai bảng lương đúng theo quy định. Giải quyết chế độ thai sản kịp thời cho nhân viên.

- Hạn chế và nguyên nhân

Chất lượng đội ngũ chưa thực sự mạnh, chất lượng đội ngũ chưa đồng đều ở các môn học, vẫn còn một số ít giáo viên tinh thần trách nhiệm chưa cao trong việc tự học, tự bồi dưỡng nên chuyên môn còn hạn chế. Đội ngũ nhân viên chưa nhiệt tình công tác do chế độ tiền lương còn chưa đáp ứng được yêu cầu cuộc sống.

### **3. Công tác tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, giáo dục quốc phòng an ninh**

Nhà trường làm tốt công tác giáo dục tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức lối sống cho học sinh. Trong năm học nhà trường tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị (Khóa XII) về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Quán triệt chuyên đề học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, sử dụng thiết thực bộ tài liệu “Bác Hồ và những bài học về đạo đức, lối sống” dành cho học sinh phổ thông trong các hoạt động dạy, học và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp (Công

văn số 512-CV/BTGTU ngày 11/9/2017 của Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ về việc triển khai học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh trong các trường học và Công văn 322/SGDDĐT-CTrTT ngày 24/02/2017 của Sở GDĐT về việc triển khai đưa vào giảng dạy bộ tài liệu “Bác Hồ và những bài học về đạo đức, lối sống dành cho học sinh” trong nhà trường). Giới thiệu rộng rãi trang thông tin về Chủ tịch Hồ Chí Minh (<http://www.hochiminh.vn/>) tới đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo, người học để nghiên cứu, tham khảo học tập và làm theo Bác. Lựa chọn các nội dung, hình thức tuyên truyền về tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh đa dạng, sáng tạo, sát với thực tiễn và yêu cầu nhiệm vụ của nhà trường, lớp chủ nhiệm, lời cuốn HS tham gia, nhằm tạo sự chuyển biến trong nhận thức của thanh niên về lý tưởng, mục đích sống, trách nhiệm với bản thân, gia đình, xã hội. Tổ chức thông qua các hình thức tổ chức: tích hợp lồng ghép trong các môn học, các hoạt động giáo dục chính khóa, ngoại khóa, giáo dục ngoài giờ lên lớp, các chuyên đề phổ biến, giáo dục pháp luật, các buổi sinh hoạt giáo dục truyền thống, các cuộc thi kể chuyện về Bác Hồ, hội thi văn nghệ, thi tuyên truyền về tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Tiếp tục đẩy mạnh phong trào “Xây dựng trường học thân thiện học sinh tích cực” nhằm giáo dục tư tưởng, đạo đức tác phong, lễ giáo cho học sinh nhà trường “Biết nói lời hay, làm việc tốt”. Giáo dục truyền thống, giáo dục HS thực hiện 5 điều Bác Hồ dạy. Tăng cường kỉ cương, nề nếp, thực hiện nghiêm túc các cuộc vận động lớn "Dân chủ kỉ cương tình thương trách nhiệm", "Xây dựng gia đình nhà giáo văn hoá", "Xây dựng duy trì khối đoàn kết nội bộ". Thực hiện nghiêm túc điều lệ trường trung học, luật giáo dục, pháp luật của nhà nước. Triển khai các đầy đủ các Cuộc thi về an toàn giao thông, viết thư quốc tế UPU.

Triển khai thực hiện Thông tư số 06/2019/TT-BGDĐT ngày 12/4/2019 của Bộ giáo dục và Đào tạo quy định Quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên. Nhà trường xây dựng bộ quy tắc, quy chế văn hóa ứng xử trong cơ quan để toàn bộ cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh thực hiện.

#### **4. Công tác giáo dục thể chất, hoạt động thể thao, y tế trường học; tổ chức bán trú; bảo đảm an toàn trường học, chủ động phòng, chống và ứng phó hiệu quả với thiên tai, dịch bệnh**

Công tác giáo dục thể chất, thể thao: Thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo hướng dẫn của các cấp: Nghị định 11/2015/NĐ-CP ngày 31/01/2015 của Chính phủ về giáo dục thể chất và thể thao trường học. QĐ số 1976/QĐ-TTg ngày 17/6/2016 của Thủ tướng về phê duyệt Đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016 – 2020, định hướng đến năm 2025; Tổ chức nghiêm túc nội dung chương trình giáo dục thể chất trong nhà trường. Tổ chức dạy môn thể dục đúng theo quy định, tổ chức hội khỏe cấp trường. Giáo viên thể dục xây dựng kế hoạch hội khỏe, kế hoạch luyện tập có hiệu quả. Thành lập các câu lạc bộ trong nhà trường tổ chức hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

Ban giám hiệu đã chỉ đạo các tổ chuyên môn, đoàn thanh niên, đặc biệt là Tổng phụ trách đội, nhân viên y tế, nhân viên bảo vệ tuyên truyền phổ biến kiến thức pháp luật cho học sinh, tổ chức xây dựng cảnh quan môi trường học đường

xanh, sạch, đẹp. Đảm bảo vệ sinh cộng đồng, giáo dục ý thức bảo vệ môi trường. Ngoài ra, nhà trường còn tổ chức các hoạt động ngoại khóa như tổ chức các trò chơi, các cuộc thi để giáo dục kỹ năng sống cho học sinh.

Trong năm học qua, môi trường học đường đảm bảo, không có học sinh vi phạm pháp luật, không có tai nạn thương tích và mất an ninh trật tự trong nhà trường.

Thực hiện nghiêm túc các quy định về y tế học đường theo thông tư 13 của Bộ y tế. Định kỳ kiểm tra rà soát các tiêu chuẩn đảm bảo công tác vệ sinh, phòng chống dịch bệnh, tổ chức tuyên truyền đến học sinh về cách phòng chống dịch bệnh,...

Toàn trường đã tích cực chủ động phòng chống dịch theo đúng quy định. Thành lập Ban chỉ đạo, phân công nhiệm vụ thực hiện cụ thể, tăng cường vệ sinh đảm bảo các buổi học, khử trùng tiêu độc trường lớp học. Phối kết hợp chặt chẽ với Trạm y tế thường xuyên kiểm tra tình hình phòng chống dịch tại địa phương. Xây dựng phương án phòng chống dịch kịp thời, phù hợp, đảm bảo an toàn cho toàn trường trong quá trình dạy và học. Toàn trường đã thường xuyên nêu cao tinh thần tự giác phòng chống dịch. Kết quả: không có hiện tượng nhiễm dịch bệnh tại nhà trường. Nhà trường được công nhận Đạt chuẩn về trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích.

### **5. Sắp xếp, kiện toàn quy mô trường, lớp học**

Nhà trường thực hiện rà soát, sắp xếp điều chỉnh quy mô số lớp/số học sinh báo cáo phòng GD&ĐT, UBND huyện phê duyệt số lớp số học sinh vào dịp đầu năm học mới, thực hiện đảm bảo đúng số biên chế được giao.

### **6. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo**

Nhà trường đã bố trí 01 phòng máy với 22 máy tính được kết nối mạng, 5 máy phục vụ hoạt động của tổ chuyên môn và công tác quản lý;

Toàn trường khai thác tốt các phần mềm như Quản lý PC GD, quản lý nhân sự, quản lý học tập, quản lý thiết bị tài sản, phần mềm MISA, khai thác cập nhật cơ sở dữ liệu Quốc gia trên cơ sở dữ liệu ngành giáo dục; các phần mềm thiết kế bài giảng đều được CB-GV sử dụng thành thạo.

Để phát huy năng lực của giáo viên thông qua các phương tiện dạy học, BGH đã chỉ đạo đội ngũ không ngừng học tập nâng cao trình độ, năng lực sử dụng công nghệ thông tin, các phương tiện hỗ trợ dạy học như khai thác mạng, sử dụng máy tính, máy chiếu. Đã có 100% CB-GV có chứng chỉ tin học, 24/24 đ/c có khả năng thiết kế bài giảng Powerpoint, 100% GV biết khai thác mạng và sử dụng thư điện tử. Thường xuyên truy cập trang mạng giáo dục và “trường học kết nối” để sưu tầm, tham khảo tài liệu phục vụ cho giảng dạy.

Các phòng bộ môn, máy chiếu được sử dụng thường xuyên trong dạy học.

Tổ chức cho các tổ chuyên môn xây dựng, sử dụng kho tư liệu, bài giảng điện tử, bài trình chiếu của các tổ chuyên môn theo từng phân môn để đưa lên trang website của trường.

Cập nhật, quản lý cơ sở dữ liệu ngành: thực hiện cập nhật đầy đủ thông tin, báo cáo số liệu đúng theo quy định.

Tổ chức định kỳ, đột xuất công tác nêu gương các cá nhân, các tấm gương điển hình trong phong trào thi đua dạy tốt, học tốt. Triển khai các thông tin, thời sự, tin tức về tình hình giáo dục trong nước, quốc tế. Tổ chức các bài viết về các tấm gương điển hình tiên tiến, những học sinh có thành tích cao trong học tập,

những tấm gương vượt khó trong học tập để đưa lên trang website của nhà trường. Mỗi tháng có ít nhất 01 bài viết được đưa lên trang website trường.

Trong năm học nhà trường đã triển khai thực hiện sổ điện tử, học bạ điện tử.

### **7. Thực hiện các phong trào thi đua**

Tổ chức học tập các Chỉ thị, Nghị quyết của các cấp, văn bản pháp luật, Luật giáo dục, Luật công chức, Điều lệ trường TrH, các văn bản thực hiện pháp luật..., tuyên truyền các chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước tới toàn thể CB-GV và HS. Phối hợp tốt với các lực lượng XH trên địa bàn, Hội cha mẹ HS. Tiếp tục triển khai thực hiện chỉ thị 05-CT/BCT về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh.

Triển khai XD tổ chức tốt công tác thi đua khen thưởng trong năm. CB-GV-NV đăng kí thi đua, giao chỉ tiêu cụ thể cho các tổ khối, cá nhân. Làm tốt công tác động viên khen thưởng, nêu gương thành tích hàng kì. Bình xét thi đua khách quan, chính xác. Tuyên dương khuyến khích các cá nhân, tổ chuyên môn có nhiều sáng tạo, có mô hình đổi mới, vượt lên khó khăn để hoàn thành tốt nhiệm vụ. Tổ chức quy trình triển khai, lập hồ sơ xét duyệt, công nhận và đề nghị công nhận các danh hiệu thi đua đảm bảo đúng quy định. Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền hình ảnh văn hóa Điện Biên, tổ chức các hoạt động thi đua chào mừng kỷ niệm 70 năm chiến thắng Điện Biên Phủ.

Kết quả bình xét thi đua cuối năm, nhà trường đã công nhận cho 38 em học sinh giỏi, 122 em học sinh đạt danh hiệu học sinh khá, 8 tập thể lớp tiên tiến

**Kết quả thi đua:** UBND huyện Công nhận cho 28/29 CB-GV-NV đạt danh hiệu LĐTT; công nhận 6 đ/c đạt danh hiệu CSTĐ cấp cơ sở; tặng giấy khen cho 3 đ.c. Tập thể nhà trường được công nhận tập thể LĐTT; UBND huyện tặng giấy khen.

### **8. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về an toàn giao thông**

- Trong năm học nhà trường đã phối hợp với Công an huyện, công an xã tổ chức xây dựng mô hình Cổng trường an toàn giao thông, thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về ATGT hàng tháng đến toàn bộ học sinh nhà trường.

#### **Nơi nhận:**

- Toàn trường (bản điện tử);
- Trang Website trường;
- Bảng tin trường;
- Lưu HSKT; HSĐT; VT.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Phạm Văn Phúc**



---

<sup>1</sup> Mẫu Báo cáo thường niên chỉ quy định các yêu cầu thông tin bắt buộc; tiêu đề, thứ tự chương mục và hình thức trình bày thông tin do cơ sở giáo dục quyết định, bảo đảm thể hiện rõ nội dung của thông tin theo yêu cầu.

<sup>2</sup> Bao gồm các thông tin được quy định tại Điều 4 của Thông tư này.

<sup>3</sup> Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 10 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

<sup>4</sup> Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 2 Điều 6, khoản 2 Điều 8, khoản 2 Điều 10 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

<sup>5</sup> Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 3 Điều 6, khoản 3 Điều 8, khoản 3 Điều 10 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

<sup>6</sup> Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 2, 3 Điều 7, khoản 2, 3 Điều 9, khoản 2, 3 Điều 11 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

<sup>7</sup> Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 1, 3, 4 Điều 5 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

<sup>8</sup> Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm khác của cơ sở giáo dục và của ngành.

